

thành dạng hoà tan dễ hấp thụ đối với cây là

A. Bón vôi cho đất kiềm.

B. Tháo nước ngập đất, để chúng tan trong nước.

C. Trồng các loại cỏ dại, chúng sức sống tốt giúp chuyển hóa các muối khoáng khó tan thành dạng ion.

D. làm cỏ, sục bùn phá váng sau khi đất bị ngập úng, cày phơi ải đất, cày lật úp rạ xuống, bón vôi cho đất chua.

Câu 12: Đặc điểm hình thái của lá giúp hấp thụ nhiều tia sáng là

A. có lục lạp.

B. diện tích bề mặt lớn.

C. có khí khổng.

D. có hệ gân lá.

Câu 13: Bào quan thực hiện quang hợp là:

A. lục lạp.

B. ribôxôm.

C. ti thể.

D. lá cây.

Câu 14: Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Cây hấp thụ được muối khoáng ở dạng hoà tan và dạng không tan trong nước.

B. Bón phân dư thừa sẽ gây độc hại cho cây, ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nông phẩm.

C. Dư lượng phân bón hóa học làm tăng chất dinh dưỡng của đất, tăng hoạt động của vi sinh vật có lợi trong đất.

D. Muối khoáng tồn tại trong đất đều ở dạng hoà tan nên cây hấp thụ được.

Câu 15: Trong các đặc điểm sau :

(1) Gồm 2 loại ống rây và tế bào kèm.

(2) Gồm những tế bào chết.

(3) Thành tế bào được lignin hóa.

(4) Gồm những tế bào sống.

(5) Gồm 2 loại quản bào và mạch ống.

Mạch rây có những đặc điểm là

A. (2), (3).

B. (1), (3), (4).

C. (1), (2), (3).

D. (1), (4).

Câu 16: Cho các phát biểu sau về hiện tượng ứ giọt ở các thực vật:

I. Ứ giọt xuất hiện ở các loài thực vật thân thảo.

II. Rễ hấp thụ nhiều nước và thoát hơi nước kém gây ra hiện tượng ứ giọt.

III. Ứ giọt xảy ra khi độ ẩm không khí tương đối cao.

IV. Chất lỏng hình thành từ hiện tượng ứ giọt là nhựa cây.

Có bao nhiêu phát biểu **sai**?

A. 3

B. 2

C. 4

D. 1

Câu 17: Đặc điểm của cảm ứng ở thực vật là

A. xảy ra nhanh, dễ nhận thấy.

B. xảy ra chậm, khó nhận thấy.

C. xảy ra nhanh, khó nhận thấy.

D. xảy ra chậm, dễ nhận thấy.

Câu 18: Tác nhân của hướng trọng lực là

A. đất.

B. ánh sáng.

C. chất hóa học.

D. sự va chạm.

Câu 19: Khi nói về ảnh hưởng của các nhân tố ngoại cảnh đến quang hợp câu nào sau đây là **không** đúng?

A. Từ điểm bão hòa CO₂ trở đi, nồng độ CO₂ tăng dần thì cường độ quang hợp giảm dần.

B. Nồng độ CO₂ tăng dần đến điểm bão hòa thì cường độ quang hợp tăng dần.

C. Cường độ ánh sáng tăng dần đến điểm bão hòa thì cường độ quang hợp tăng dần.

D. Khi nhiệt độ tăng đến nhiệt độ tối ưu thì cường độ quang hợp tăng rất nhanh, thường đạt cực đại ở 35 – 45°C rồi sau đó giảm mạnh.

Câu 20: Yếu tố nào là nguyên nhân chủ yếu gây ra sự đóng hoặc mở khí khổng?

A. Phân bón.

B. Độ ẩm.

C. Nhiệt độ.

D. Ánh sáng.

Câu 21: Hiện tượng cụp lá ở cây xấu hổ thuộc kiểu

A. Ứng động không sinh trưởng.

B. Ứng động sinh trưởng.

C. Cảm ứng theo ánh sáng.

D. Cảm ứng theo nhiệt.

Câu 22: Quang hợp xảy ra mạnh nhất ở miền ánh sáng nào?

A. Ánh sáng đỏ.

B. Ánh sáng xanh tím.

C. Ánh sáng đỏ, lục.

D. Ánh sáng xanh tím, đỏ.

Câu 23: Pha sáng diễn ra ở

A. tilacôit.

B. nhân.

C. tế bào chất.

D. strôma.

Câu 24. Ở cây trưởng thành, quá trình thoát hơi nước diễn ra chủ yếu ở khí khổng vì

I. lúc đó, lớp cutin bị thoái hóa.

II. các tế bào khí khổng có số lượng lớn.

III. có cơ chế điều chỉnh lượng nước thoát qua cutin.

IV. lúc đó, lớp cutin dày hơi nước khó thoát ra được.

A. I, III.

B. II, III, IV.

C. II, IV.

D. I, II, IV.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. (0,75 điểm)

Nêu các biện pháp tăng năng suất cây trồng thông qua sự điều khiển quang hợp?

Câu 2. (0,25 điểm)

Trong những trường hợp nào thì diễn ra lên men ở thực vật? Cho ví dụ?

Câu 3. (0,5 điểm)

Phân biệt ứng động sinh trưởng và ứng động không sinh trưởng?

Câu 4. (0,5 điểm)

Hãy nêu vai trò của quang hợp đối với cơ thể, cành và cho ví dụ minh họa?

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT TỈNH LAI CHÂU
TRƯỜNG THPT MUỖNG TÈ

ĐỀ KIỂM 1 TẾT HỌC KÌ I
MÔN: SINH HỌC LỚP 11
NĂM HỌC 2018 - 2019

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 03 trang)

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)

MÃ ĐỀ 002

Họ và tên: Lớp

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,0 điểm)

Câu 1: Nhiệt độ có ảnh hưởng đến cường độ quang hợp thông qua

A. ảnh hưởng đến các phản ứng enzym trong pha sáng và pha tối.

B. ảnh hưởng đến độ đóng mở khí khổng để nhận CO₂.

C. ảnh hưởng đến cấu tạo của bộ máy quang hợp.

D. ảnh hưởng đến cường độ ánh sáng và thành phần quang phổ.

Câu 2: Các ion khoáng được hấp thụ từ đất vào rễ theo cơ chế nào?

A. Chủ động.

B. Thụ động và chủ động.

C. Thụ động.

D. Thẩm tách.

Câu 3: Bào quan thực hiện chức năng hô hấp chính là

A. không bào.

B. ti thể.

C. trung thể.

D. lạp thể.

Câu 4: Sự phân bố auxin ảnh hưởng đến vận động hướng sáng của ngọn cây như thế nào?

A. Hàm lượng auxin phân bố nhiều ở phía sáng, phân bố ít ở phía tối.

B. Hàm lượng auxin chỉ phân bố ở phía sáng.

C. Hàm lượng auxin phân bố ít ở phía sáng, phân bố nhiều ở phía tối.

D. Hàm lượng auxin chỉ phân bố ở phía tối.

Câu 5: Khi thân cây uốn cong về phía nguồn ánh sáng thì rễ cây uốn cong ngược lại. Hướng uốn cong của rễ được gọi là

A. hướng động âm.

B. hướng động dương.

C. hướng sáng dương.

D. hướng sáng âm.

Câu 6: Hướng của cơ quan cây hướng trời nguồn kích thích được gọi là
A. hướng sáng dương. B. hướng sáng âm. C. hướng động âm. D. hướng động dương.

Câu 7: Vận động bất môi của cây gọng vó, là
A. ứng động sức trương. B. ứng động tiếp xúc và hóa ứng động.
C. ứng động tồn thương. D. hóa ứng động.

Câu 8: Nguyên tố khoáng điều tiết độ mở khí khổng là
A. P. B. Mn. C. K. D. Mg.

Câu 9: Cho các phát biểu sau về hiện tượng ứ giọt ở các thực vật:

- I. Ứ giọt xuất hiện ở các loài thực vật thân thảo.
- II. Rễ hấp thụ nhiều nước và thoát hơi nước kém gây ra hiện tượng ứ giọt.
- III. Ứ giọt xảy ra khi độ ẩm không khí tương đối cao.
- IV. Chất lỏng hình thành từ hiện tượng ứ giọt là nhựa cây.

Có bao nhiêu phát biểu đúng?

- A. 3 B. 2 C. 4 D. 1

Câu 10: Vì sao sau khi bón phân, cây sẽ khó hấp thụ nước?

- A. Vì áp suất thẩm thấu của đất tăng. B. Vì áp suất thẩm thấu của rễ tăng.
C. Vì áp suất thẩm thấu của đất giảm. D. Vì áp suất thẩm thấu của rễ giảm.

Câu 11: Đặc điểm hình thái của lá giúp CO₂ khuếch tán vào lá là trong lớp biểu bì lá

- A. có hệ gân lá. B. có khí khổng.
C. có lục lạp. D. diện tích bề mặt lớn.

Câu 12: Cho các phát biểu sau đây về động lực đẩy dòng mạch gỗ:

1. Lực đẩy (áp suất rễ).
2. Lực hút do thoát hơi nước ở lá.
3. Lực liên kết giữa các phân tử nước với nhau và với thành mạch gỗ.
4. Sự chênh lệch áp suất thẩm thấu giữa cơ quan nguồn (lá) và cơ quan chứa (quả, củ...).
5. Sự chênh lệch áp suất thẩm thấu giữa môi trường rễ và môi trường đất.

Những phát biểu đúng là

- A. 1, 2, 4. B. 1, 3, 4. C. 1, 2, 3. D. 1, 3, 5.

Câu 13: Sản phẩm nào của pha sáng **không** đi vào pha tối?

- A. ATP. B. NADPH. C. ATP, NADPH. D. O₂.

Câu 14: Sự mở khí khổng ngoài vai trò thoát hơi nước cho cây, còn có ý nghĩa

- A. giúp CO₂ khuếch tán vào lá cung cấp cho quá trình quang hợp.
B. giúp lá dễ hấp thụ ion khoáng từ rễ đưa lên.
C. để khí oxi khuếch tán từ không khí vào lá.
D. tạo lực vận chuyển chất hữu cơ từ lá đến các cơ quan khác.

Câu 15: Sự nở hoa ở cây hoa mười giờ là ứng động

- A. theo nhiệt độ. B. theo ánh sáng.
C. theo sự trương nước. D. ngủ, thức.

Câu 16: Hãy sắp xếp các nguyên tố tương ứng với từng vai trò của nó ?

Tên nguyên tố	Các vai trò
1. Nitơ	a. Tham gia cấu trúc Prôtêin, axit nuclêic
2. Phốt pho	b. Là thành phần của Prôtêin
3. Can xi	c. Tham gia cấu trúc diệp lục, hoạt hoá enzin
4. Lưu huỳnh	d. Tham gia cấu trúc thành tế bào, màng, tế bào, hoạt hoá enzin
5. Magiê	e. Thành phần của axit nuclêic, ATP, phôtpholipit, côenzin

- A. 1-a, 2-e, 3-c, 4-b, 5-d. B. 1-a, 2-e, 3-d, 4-b, 5-c.
C. 1-a, 2-e, 3-d, 4-c, 5-b. D. 1-e, 2-a, 3-d, 4-b, 5-c.

Câu 17: Khi nồng độ O₂ trong không khí giảm còn bao nhiêu % thì cây chuyển sang phân giải kỵ khí.

- A. 20%. B. 15%. C. 10%. D. dưới 5%.

Câu 18: Cho cây gắn vào máy hồi chuyển (clinostat) quay chậm để triệt tiêu sự kích thích của trọng lực từ mọi phía. Thân cây sẽ

A. mọc uốn cong lên phía trước.
C. mọc theo hướng năm ngang.

B. mọc uốn cong xuống phía dưới.
D. không mọc dài thêm.

Câu 19: Một trong các biện pháp hữu hiệu nhất để hạn chế xảy ra quá trình chuyển hóa nitrat thành nitơ phân tử là

A. giữ độ ẩm vừa phải và thường xuyên cho đất. B. khử chua cho đất.
C. bón phân vi lượng thích hợp. D. làm đất kĩ, đất tơi xốp và thoáng.

Câu 20: Cho các phát biểu sau về hậu quả khi bón phân với liều lượng cao quá mức cần thiết cho cây:

1. Gây độc hại đối với cây.
2. Gây ô nhiễm nông phẩm và môi trường.
3. Làm đất đai phì nhiêu nhưng cây không hấp thụ được hết.
4. Dư lượng phân bón khoáng chất sẽ làm xấu lí tính của đất, giết chết các vi sinh vật có lợi.

Những phát biểu đúng là

A. 1, 2. B. 1, 2, 3. C. 2, 3, 4. D. 1, 2, 4.

Câu 21: Phát biểu nào sau đây đúng?

I. Khí khổng đóng hay mở do ảnh hưởng trực tiếp của sự trương nước hay không trương nước của tế bào hạt đậu.

II. Khí khổng đóng vào ban đêm, còn ngoài sáng thì khí khổng luôn luôn mở.

III. Khí khổng đóng khi cây thiếu nước, bất luận vào ban ngày hay ban đêm.

IV. Khi tế bào hạt đậu của khí khổng trương nước, khí khổng sẽ đóng lại.

A. II B. II, IV C. I, III D. II, III

Câu 22: Khi bón phân quá nhiều cho cây trồng sẽ gây ra hiện tượng gì?

- A. Gây độc cho người và gia súc.
B. Gây độc cho cây trồng, ô nhiễm đất và nước, nông sản có dư lượng phân bón nhiều.
C. Làm ô nhiễm đất và nước, nông sản có dư lượng phân bón nhiều.
D. Làm cho nông sản có dư lượng phân bón nhiều và độc cho cây trồng.

Câu 23: Chất nhận CO_2 đầu tiên ở nhóm thực vật C_3 là:

A. AIPG. B. APG. C. PEP. D. ribulôzơ-1, 5 đip.

Câu 24: Sắc tố quang hợp nào sau đây thuộc nhóm sắc tố chính?

- A. Diệp lục a và diệp lục B. B. Diệp lục a và carôten.
C. Diệp lục a và xantôphyl. D. Diệp lục và carôtênôit.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. (0,75 điểm)

Nêu các biện pháp tăng năng suất cây trồng thông qua sự điều khiển quang hợp?

Câu 2. (0,25 điểm)

Trong những trường hợp nào thì diễn ra lên men ở thực vật? Cho ví dụ?

Câu 3. (0,5 điểm)

Phân biệt ứng động sinh trưởng và ứng động không sinh trưởng?

Câu 4. (0,5 điểm)

Hãy nêu vai trò cuarhuowngs sáng dương của thân, cành và cho ví dụ minh họa?

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT TỈNH LAI CHÂU
TRƯỜNG THPT MUỖNG TÈ

ĐỀ KIỂM 1 TẾT HỌC KÌ I
MÔN: SINH HỌC LỚP 11
NĂM HỌC 2018 - 2019

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 03 trang)

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)

MÃ ĐỀ 003

Họ và tên: Lớp

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,0 điểm)

Câu 1: Khi nói về ảnh hưởng của các nhân tố ngoại cảnh đến quang hợp câu nào sau đây là **không** đúng?

- A. Nồng độ CO₂ tăng dần đến điểm bão hòa thì cường độ quang hợp tăng dần.
- B. Từ điểm bão hòa CO₂ trở đi, nồng độ CO₂ tăng dần thì cường độ quang hợp giảm dần.
- C. Khi nhiệt độ tăng đến nhiệt độ tối ưu thì cường độ quang hợp tăng rất nhanh, thường đạt cực đại ở 35 – 45°C rồi sau đó giảm mạnh.
- D. Cường độ ánh sáng tăng dần đến điểm bão hòa thì cường độ quang hợp tăng dần.

Câu 2: Loại tế bào nào có đặc điểm thành mỏng, không có lớp cutin bề mặt, chỉ có một không bào trung tâm lớn, là đơn vị hút nước của rễ?

- A. Tế bào biểu bì.
- B. Tế bào ở miền sinh trưởng.
- C. Tế bào lông hút.
- D. Tế bào rễ.

Câu 3: Cường độ thoát hơi nước ở cây được điều chỉnh bởi

- A. cơ chế đóng mở khí khổng.
- B. cơ chế khuếch tán hơi nước qua lớp cutin.
- C. cơ chế khuếch tán hơi nước từ bề mặt lá ra không khí xung quanh.
- D. cơ chế cân bằng nước.

Câu 4: Trong các đặc điểm sau :

- (1) Gồm 2 loại ống rây và tế bào kèm.
- (2) Gồm những tế bào chết.
- (3) Thành tế bào được lignin hóa.
- (4) Gồm những tế bào sống.
- (5) Gồm 2 loại quản bào và mạch ống.

Mạch rây có những đặc điểm là

- A. (2), (3).
- B. (1), (3), (4).
- C. (1), (2), (3).
- D. (1), (4).

Câu 5: Hướng động có ý nghĩa gì đối với đời sống thực vật ?

- A. Giúp cho cây có thể vận động có định hướng.
- B. Giúp cho cây hướng tới nguồn ánh sáng.
- C. Giúp cho cây thích nghi với môi trường sống.
- D. Giúp cho cây tăng cường được khả năng chịu hạn, cho năng suất cao.

Câu 6: Nguyên nhân của uốn cong hướng động ở mức tế bào là do

- A. tốc độ sinh trưởng không đều tại 2 phía đối diện nhau của cơ quan (thân, rễ, ...).
- B. hàm lượng auxin phân bố nhiều ở phía sáng, phân bố ít ở phía tối.
- C. hàm lượng auxin phân bố ít ở phía sáng, phân bố nhiều ở phía tối.
- D. hàm lượng auxin chỉ phân bố ở phía sáng.

Câu 7: Vận động khép lá ở cây trinh nữ có cơ chế giống với vận động nào sau đây?

- A. Quán vòng của tua cuốn.
- B. Bắt mồi ở cây ăn sâu bọ.
- C. Rễ cây mọc về phía có nguồn nước.
- D. Mở cánh hoa của cây họ cúc.

Câu 8: Nhóm thực vật C₃ bao gồm các loài cây

- A. xương rồng, thanh long, dưa.
- B. mía, ngô, rau dền.
- C. cam, bưởi, nhãn.
- D. xương rồng, mía, cam.

Câu 9: Trong trồng trọt, mục đích của việc làm cho đất tơi xốp quanh gốc cây là

- A. tạo điều kiện cho vi sinh vật đất hoạt động.
- B. tạo độ thoáng giúp cho rễ cây hô hấp tốt.
- C. giúp cây lấy nước dễ dàng hơn.
- D. giảm sự xói mòn và rửa trôi đất.

Câu 10: Sắc tố nào sau đây thuộc nhóm sắc tố phụ?

- A. Carôten và xantôphyl.
- B. Diệp lục a và diệp lục
- C. Diệp lục và carôtênôit.
- D. B. Diệp lục a và carôten.

Câu 11: Thoát hơi nước có những vai trò nào trong các vai trò sau đây ?

- (1) Là động lực đầu trên của dòng mạch gỗ.
- (2) Giúp hạ nhiệt độ của lá cây vào những ngày nắng nóng.

(3) Khí khổng mở cho CO₂ khuếch tán vào lá cung cấp cho quá trình quang hợp.

(4) Tạo điều kiện cho sự vận chuyển các chất hữu cơ đi xuống rễ.

Phương án trả lời đúng là :

A. (1), (2) và (4). B. (1), (2) và (3). C. (1), (3) và (4). D. (2), (3) và (4).

Câu 12: Cho các phát biểu sau:

I. Cây chỉ hấp thụ được muối khoáng ở dạng hoà tan trong nước.

II. Muối khoáng trong đất tồn tại ở dạng không tan hoặc hòa tan (dạng ion) .

III. Bón phân dư thừa sẽ gây độc hại cho cây, ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nông phẩm.

IV. Dư lượng phân bón hóa học làm xấu tính lí hoá của đất, giết chết vi sinh vật có lợi trong đất.

Có bao nhiêu phát biểu là đúng?

A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

Câu 13: Diễn biến nào dưới đây **không** có trong pha sáng của quá trình quang hợp?

A. Quá trình tạo ATP, NADPH và giải phóng ôxi.

B. Quá trình cố định CO₂.

C. Quá trình quang phân li nước.

D. Sự biến đổi trạng thái của diệp lục (từ dạng bình thường sang dạng kích thích).

Câu 14: Hệ sắc tố quang hợp phân bố ở

A. ti thể.

B. xoang tilacôit.

C. màng tilacôit.

D. chất nền strôma.

Câu 15: Những nguyên nhân nào sau đây có thể dẫn đến hiện tượng hạn sinh lý?

I. Trời nắng gay gắt kéo dài.

II. Cây bị ngập úng nước trong thời gian dài.

III. Rễ cây bị tổn thương hoặc bị nhiễm khuẩn.

IV. Cây bị thiếu phân.

A. III, IV

B. I, IV

C. II

D. II, III

Câu 16: Cho các phát biểu sau về hiện tượng ứ giọt ở các thực vật:

I. Ứ giọt xuất hiện ở các loài thực vật thân thảo.

II. Rễ hấp thụ nhiều nước và thoát hơi nước kém gây ra hiện tượng ứ giọt.

III. Ứ giọt xảy ra khi độ ẩm không khí tương đối cao.

IV. Chất lỏng hình thành từ hiện tượng ứ giọt là nhựa cây.

Có bao nhiêu phát biểu **sai**?

A. 3

B. 2

C. 4

D. 1

Câu 17: Các nguyên tố vi lượng cần cho cây với khối lượng nhỏ nhưng có vai trò quan trọng vì

A. chúng được tích lũy trong hạt.

B. chúng có trong cấu trúc của tất cả các bào quan.

C. chúng cần cho 1 số pha sinh trưởng.

D. chúng tham gia vào hoạt động chính của enzym.

Câu 18: Cho cây gắn vào máy hồi chuyển (clinostat) quay chậm để triệt tiêu sự kích thích của trọng lực từ mọi phía. Rễ cây sẽ

A. mọc uốn cong lên phía trước.

B. mọc uốn cong xuống phía dưới.

C. mọc theo hướng nằm ngang.

D. không mọc dài thêm.

Câu 19: Hồ hấp của thực vật diễn ra ở

A. hạt đang nảy.

B. rễ.

C. lá.

D. tất cả các cơ quan của cơ thể.

Câu 20: Dung dịch bón phân qua lá phải có nồng độ các muối khoáng và điều kiện bón như thế nào?

A. Thấp và chỉ bón khi trời không mưa và nắng không quá gay gắt.

B. Cao và chỉ bón khi trời không mưa và nắng có thể gay gắt.

C. Cao và chỉ bón khi trời không mưa và nắng không quá gay gắt.

D. Thấp và chỉ bón khi trời mưa bụi và không có nắng.

Câu 21: Hướng của cơ quan cây tránh xa nguồn kích thích được gọi là

A. hướng động âm. B. hướng động dương. C. hướng sáng âm. D. hướng sáng dương.

Câu 22: Hoa quỳnh nở về đêm, sáng khép lại là ứng động

A. theo nhiệt độ.

B. theo ánh sáng.

C. theo sự trương nước.

D. ngủ, thức.

Câu 23: Nguyên tố khoáng điều tiết độ mở khí khổng là

A. K.

B. P.

C. Mg.

D. Mn.

Câu 24: CO₂ là sản phẩm của hô hấp. Nồng độ CO₂ cao khoảng bao nhiêu sẽ ức chế hô hấp?

A. Lớn hơn 10%.

B. Lớn hơn 20%.

C. Lớn hơn 30%.

D. Lớn hơn 40%.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. (0,75 điểm)

Nêu các biện pháp tăng năng suất cây trồng thông qua sự điều khiển quang hợp?

Câu 2. (0,25 điểm)

Trong những trường hợp nào thì diễn ra lên men ở thực vật? Cho ví dụ?

Câu 3. (0,5 điểm)

Phân biệt ứng động sinh trưởng và ứng động không sinh trưởng?

Câu 4. (0,5 điểm)

Hãy nêu vai trò của quang hợp của thân, cành và cho ví dụ minh họa?

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT TỈNH LAI CHÂU
TRƯỜNG THPT MƯỜNG TÈ

ĐỀ KIỂM 1 TẾT HỌC KÌ I
MÔN: SINH HỌC LỚP 11
NĂM HỌC 2018 - 2019

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 03 trang)

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)

MÃ ĐỀ 004

Họ và tên: Lớp

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Vì sao lá cây có màu xanh lục?

A. Vì diệp lục a hấp thụ ánh sáng màu xanh lục.

B. Vì diệp lục b hấp thụ ánh sáng màu xanh lục.

C. Vì nhóm sắc tố phụ (carotênoit) hấp thụ ánh sáng màu xanh lục.

D. Vì hệ sắc tố quang hợp không hấp thụ ánh sáng màu xanh lục.

Câu 2: Nước và các ion khoáng xâm nhập từ đất vào mạch gỗ của rễ theo các con đường

A. gian bào và tế bào biểu bì.

B. gian bào và màng tế bào.

C. gian bào và tế bào chất.

D. gian bào và tế bào nội bì.

Câu 3: Chu trình Crep diễn ra ở đâu trong tế bào?

A. Màng ngoài ti thể.

B. tế bào chất của tế bào.

C. Chất nền ti thể.

D. Màng trong ti thể.

Câu 4: Cho một bình nhựa trắng đựng đất ẩm, trồng cây ở giữa, 2 bên ngăn bằng tấm gỗ mỏng, một bên bón phân NPK, một bên không bón phân. Rễ mọc nơi có bón phân.

Thí nghiệm trên cho thấy rễ cây có tính

A. hướng đất dương.

B. hướng nước dương.

C. hướng đất âm.

D. hướng hóa dương.

Câu 5: Hướng của đỉnh cây sinh trưởng theo trọng lực gọi là

A. hướng động dương.

B. hướng động âm.

C. hướng trọng lực dương.

D. hướng trọng lực âm.

Câu 6: Hướng động là hình thức phản ứng của

A. thân cây khi ánh sáng kích thích theo một hướng xác định.

B. một bộ phận của cây trước tác nhân kích thích theo một hướng xác định.

C. rễ cây khi các hợp chất hóa học kích thích theo một hướng xác định.

D. rẽ cây khi ánh sáng kích thích theo một hướng xác định.

Câu 7: Ứng động khác cơ bản với hướng động ở đặc điểm nào?

- A. Tác nhân kích thích không định hướng. B. Có sự vận động vô hướng.
C. Không liên quan đến sự phân chia tế bào. D. Có nhiều tác nhân kích thích.

Câu 8: Quang hợp xảy ra ở miền ánh sáng nào?

- A. Xanh tím, đỏ. B. Đỏ, lục. C. Cam, đỏ. D. Xanh tím, cam.

Câu 9: Cho các phát biểu sau về hiện tượng ứ giọt ở các thực vật:

- I. Ứ giọt xuất hiện ở các loài thực vật thân thảo.
II. Rễ hấp thụ nhiều nước và thoát hơi nước kém gây ra hiện tượng ứ giọt.
III. Ứ giọt xảy ra khi độ ẩm không khí tương đối cao.
IV. Chất lỏng hình thành từ hiện tượng ứ giọt là nhựa cây.

Có bao nhiêu phát biểu đúng?

- A. 3 B. 2 C. 4 D. 1

Câu 10: Cho các phát biểu sau về vai trò của nước trong cây:

- (1) Nước là dung môi, chất phản ứng (phản ứng thủy phân)
(2) Nước điều hòa thân nhiệt cho cây.
(3) Nước quyết định sự phân bố của thực vật.
(4) Nước làm cho tế bào có độ thủy hóa nhất định tạo nên áp suất thủy tĩnh duy trì độ trương cho mô tế bào làm cho tế bào có hình dạng nhất định.

Các phát biểu đúng là

- A. (2), (3), (4) B. (1), (2), (3). C. (1), (2), (3), (4). D. (1), (2), (4).

Câu 11: Trong phương trình tổng quát của quang hợp phân tử CO_2 cây lấy từ

- A. đất qua tế bào lông hút của rễ. B. không khí qua khí khổng của lá.
C. nước qua tế bào lông hút của rễ. D. chất hữu cơ bởi quá trình tổng hợp của cây.

Câu 12: Trong các đặc điểm sau :

- (1) Các tế bào khác loại nối đầu với nhau thành ống dài đi từ lá xuống rễ.
(2) Gồm những tế bào chết.
(3) Thành tế bào được lignin hóa.
(4) Gồm những tế bào sống.

Mạch gỗ có những đặc điểm là

- A. (2), (3). B. (1), (4).
C. (1), (3), (4). D. (1), (2), (3).

Câu 13: Khi nói về pha sáng của quá trình quang hợp thì khái niệm nào sau đây là đầy đủ nhất?

A. Pha chuyển hoá năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thụ thành năng lượng trong các liên kết hoá học trong ATP.

B. Pha chuyển hoá năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thụ thành năng lượng trong các liên kết hoá học trong NADPH.

C. Pha chuyển hoá năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thụ thành năng lượng trong các liên kết hoá học trong ATP và NADPH.

D. Pha chuyển hoá năng lượng của ánh sáng đã được diệp lục hấp thụ thành năng lượng trong các liên kết hoá học trong ATP, NADPH và $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$.

Câu 14: Các con đường thoát hơi nước chủ yếu là

- A. qua cành và khí khổng của lá. B. qua thân, cành và lá.
C. qua khí khổng và qua cutin. D. qua thân, cành và lớp cutin bề mặt lá.

Câu 15: Hiện tượng cuộn lá ở cây xấu hổ thuộc kiểu

- A. Ứng động không sinh trưởng. B. Ứng động sinh trưởng.
C. Cảm ứng theo ánh sáng. D. Cảm ứng theo nhiệt.

Câu 16: Hãy sắp xếp các nguyên tố tương ứng với từng vai trò của nó ?

Tên nguyên tố	Các vai trò
1. Nitơ	a. Tham gia cấu trúc Prôtêin, axit nuclêic
2. Phốt pho	b. Là thành phần của Prôtêin
3. Can xi	c. Tham gia cấu trúc diệp lục, hoạt hoá enzim

4. Lưu huỳnh	d. Tham gia cấu trúc thành tế bào, màng, tế bào, hoạt hoá enzim
5. Magiê	e. Thành phần của axit nucleic, ATP, photpholipit, coenzim

A. 1-a, 2-e, 3-c, 4-b, 5-d.

B. 1-a, 2-e, 3-d, 4-b, 5-c.

C. 1-a, 2-e, 3-d, 4-c, 5-b.

D. 1-e, 2-a, 3-d, 4-b, 5-c.

Câu 17: Khi nồng độ O_2 trong không khí giảm còn bao nhiêu % thì cây chuyển sang phân giải kỵ khí.

A. 20%.

B. 15%.

C. 10%.

D. dưới 5%.

Câu 18: Các kiểu hướng động âm của rễ là

A. hướng đất, hướng sáng.

B. hướng sáng, hướng hoá.

C. hướng nước, hướng hoá.

D. hướng sáng, hướng nước.

Câu 19: Cho các nhận định về quá trình cố định nitơ phân tử như sau:

(1) Quá trình cố định nitơ là quá trình liên kết N_2 với H_2 để hình thành NH_3 .

(2) Con đường sinh học cố định nitơ do các vi sinh vật thực hiện.

(3) Vi khuẩn cố định được nitơ tự do vì trong cơ thể có enzim nitroaza.

(4) Vi sinh vật cố định nitơ gồm hai nhóm.

Số nhận định đúng là

A. 4.

B. 2.

C. 3.

D. 1.

Câu 20: Dung dịch phân bón qua lá phải có

A. nồng độ các muối khoáng cao và chỉ bón khi trời không mưa hoặc nắng không quá gay gắt.

B. nồng độ các muối khoáng thấp và chỉ bón khi trời không mưa hoặc nắng không quá gay gắt.

C. nồng độ các muối khoáng thấp và chỉ bón khi trời mưa bụi.

D. nồng độ các muối khoáng cao và chỉ bón khi trời mưa bụi.

Câu 21: Thoát hơi nước có những vai trò nào trong các vai trò sau đây ?

(1) Là động lực đầu trên của dòng mạch gỗ.

(2) Giúp hạ nhiệt độ của lá cây vào những ngày nắng nóng.

(3) Khí khổng mở cho CO_2 khuếch tán vào lá cung cấp cho quá trình quang hợp.

(4) Tạo điều kiện cho sự vận chuyển các chất hữu cơ đi xuống rễ.

Phương án trả lời đúng là :

A. (1), (3) và (4).

B. (2), (3) và (4).

C. (1), (2) và (4).

D. (1), (2) và (3).

Câu 22: Phát biểu nào sau đây là sai?

A. Dư lượng phân bón làm xấu tính lí hoá của đất, giết chết vi sinh vật có lợi trong đất.

B. Cây chỉ hấp thụ được muối khoáng ở dạng hoà tan trong nước.

C. Muối khoáng tồn tại trong đất đều ở dạng hoà tan nên cây hấp thụ được.

D. Bón phân dư thừa sẽ gây độc hại cho cây, ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nông phẩm.

Câu 23: Pha sáng là gì?

A. Là pha chuyển hóa năng lượng hóa học thành năng lượng ánh sáng.

B. Là pha chuyển hóa năng lượng ánh sáng thành năng lượng hóa học.

C. Là pha diễn ra trong điều kiện thiếu ánh sáng.

D. Là pha cố định CO_2 .

Câu 24: Hệ sắc tố quang hợp bao gồm

A. diệp lục a và diệp lục

B. B. diệp lục a và carotenôit.

C. diệp lục b và carotenôit.

D. diệp lục và carotenôit.

----- HẾT -----

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. (0,75 điểm)

Nêu các biện pháp tăng năng suất cây trồng thông qua sự điều khiển quang hợp?

Câu 2. (0,25 điểm)

Trong những trường hợp nào thì diễn ra lên men ở thực vật? Cho ví dụ?

Câu 3. (0,5 điểm)

Phân biệt ứng động sinh trưởng và ứng động không sinh trưởng?

Câu 4. (0,5 điểm)

Hãy nêu vai trò của những sáng dương của thân, cành và cho ví dụ minh họa?

----- HẾT -----